

Số: 19/QĐ- MNHK

Hiển Khánh, ngày 02 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Trường Mầm Non Hiển Khánh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HIỂN KHÁNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT- BGDDT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện văn bản số 82/UBND-VP6 ngày 12/04/2018 của ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015.

Căn cứ quyết định số 843/QĐ-PGDĐT ngày 21/12/2021 của Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Vụ Bản về việc giao dự toán chi ngân sách sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2022;

Căn cứ quyết định giao dự toán số 496/QĐ-PGDĐT ngày 01/12/2022 của phòng GD – ĐT huyện Vụ Bản về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ quyết định giao dự toán số 729/QĐ-PGDĐT ngày 22/12/2022 của phòng GD – ĐT huyện Vụ Bản về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Bộ phận Tài chính - Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Trường Mầm Non Hiển Khánh (có biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, Bộ phận hành chính, kế toán và các bộ phận có liên quan trong đơn vị Trường Mầm Non Hiển Khánh thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để t/h);
- Bộ phận TC-KT (để t/h)
- Lưu :VT.



Nguyễn Thị Thanh Chung

Hiền Khánh, ngày 02 tháng 02 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Hiền Khánh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.781.339.000	3.781.339.000	100,0%	106,5%
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.781.339.000	3.781.339.000	100,0%	106,5%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.781.339.000	3.781.339.000	100,0%	106,5%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.655.634.000	3.655.634.000	100,0%	108,5%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	125.705.000	125.705.000	100%	49%

Ngày 02 tháng 02 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thanh Chung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Hiền Khánh

Mã ĐVQHNS: 1117012

Mã cấp NS: 3

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2022

Mã nguồn ngân sách	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT giữ lại	DT còn lại
		Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	110.190.000	125.705.000	125.705.000	125.705.000	125.705.000	125.705.000	-	-
KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	3.610.892.000	3.655.634.000	3.655.634.000	3.655.634.000	3.655.634.000	3.655.634.000	-	-
Tổng cộng	3.721.082.000	3.781.339.000	3.781.339.000	3.781.339.000	3.781.339.000	3.781.339.000	-	-

Trong đó dự toán đã sử dụng chi theo nội dung sau:

Nội dung	Mục lục NSNN			Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	D	E	1	2	3	4	5	6
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	12					125.705.000	125.705.000	125.705.000	125.705.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		6157				3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000
Các khoản hỗ trợ khác		6199				8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000
Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn		7001				110.190.000	110.190.000	110.190.000	110.190.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		7766				3.555.000	3.555.000	3.555.000	3.555.000
KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	13					3.655.634.000	3.655.634.000	3.655.634.000	3.655.634.000
Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt		6001				1.685.772.500	1.685.772.500	1.685.772.500	1.685.772.500

Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng									49.109.000	49.109.000	49.109.000	49.109.000
Phụ cấp chức vụ									21.451.000	21.451.000	21.451.000	21.451.000
Phụ cấp ưu đãi nghề									657.384.000	657.384.000	657.384.000	657.384.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc									12.516.000	12.516.000	12.516.000	12.516.000
Phụ cấp thâm niên nghề									238.572.400	238.572.400	238.572.400	238.572.400
Chi khác									19.816.000	19.816.000	19.816.000	19.816.000
Bảo hiểm xã hội									382.332.500	382.332.500	382.332.500	382.332.500
Bảo hiểm y tế									65.542.500	65.542.500	65.542.500	65.542.500
Kinh phí công đoàn									39.900.000	39.900.000	39.900.000	39.900.000
Bảo hiểm thất nghiệp									20.955.500	20.955.500	20.955.500	20.955.500
Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường									38.897.000	38.897.000	38.897.000	38.897.000
Văn phòng phẩm									19.010.000	19.010.000	19.010.000	19.010.000
Vật tư văn phòng khác									1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000
Tuyên truyền, quảng cáo									4.278.700	4.278.700	4.278.700	4.278.700
Khoản công tác phí									15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000
Thuê lao động trong nước									247.960.000	247.960.000	247.960.000	247.960.000
Sửa chữa Thiết bị tin học									1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000
Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn									48.242.200	48.242.200	48.242.200	48.242.200
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện									7.564.700	7.564.700	7.564.700	7.564.700
Chi các khoản khác									48.500.000	48.500.000	48.500.000	48.500.000
Chi ký niệm các ngày lễ lớn									29.610.000	29.610.000	29.610.000	29.610.000
Tổng cộng									3.781.339.000	3.781.339.000	3.781.339.000	3.781.339.000

Hiển Khánh, ngày 02 tháng 02 năm 2023

Kế toán

Trần Thị Loan



Trần Thị Loan

Nguyễn Thị Thanh Chung